

THÔNG BÁO
TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ NĂM 2022 ĐỢT 1

Trường Đại học Cần Thơ thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ năm 2022 đợt 1 (áp dụng theo Thông tư 18 /2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021) với các nội dung như sau:

I. NGÀNH TUYỂN SINH

TT	Ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu dự kiến	Kiểm tra và đánh giá thí sinh
1	Bảo vệ thực vật	9620112	10	<p>Trình bày đề cương tổng quát đề tài nghiên cứu và kế hoạch thực hiện trước Hội đồng chấm đề cương.</p> <p>Nội dung đề cương tham khảo tại danh sách định hướng nghiên cứu của Đề án tuyển sinh trình độ tiến sĩ đã được đưa tại website Khoa Sau đại học https://gs.ctu.edu.vn/</p>
2	Bệnh lý học và chữa bệnh vật nuôi	9640102	10	
3	Chăn nuôi	9620105	10	
4	Công nghệ sinh học	9420211	10	
5	Công nghệ thực phẩm	9540101	10	
6	Hệ thống thông tin	9480104	10	
7	Hóa hữu cơ	9440114	10	
8	Khoa học cây trồng	9620110	10	
9	Khoa học đất	9620103	10	
10	Kinh tế nông nghiệp	9620115	10	
11	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	9520216	10	
12	Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh) - ngành mới	9140111	12	
13	Môi trường đất và nước	9440303	10	
14	Nuôi trồng thủy sản	9620301	10	
15	Phát triển nông thôn	9620116	10	
16	Quản lý đất đai	9850103	10	
17	Quản trị kinh doanh	9340101	10	
18	Tài chính – Ngân hàng	9340201	10	
19	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	9440103	10	
20	Vi sinh vật học	9420107	08	

II. HÌNH THỨC TUYỂN SINH: Xét tuyển.

III. ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN

1. Yêu cầu chung đối với người dự tuyển:

a) Đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học hạng giỏi trở lên ngành phù hợp, hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với ngành đào tạo tiến sĩ;

b) Đáp ứng yêu cầu đầu vào theo chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và của chương trình đào tạo tiến sĩ đăng ký dự tuyển;

c) Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu; hoặc bài báo, báo cáo khoa học đã công bố; hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ;

d) Có dự thảo đề cương nghiên cứu và dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa.

2. Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

c) Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định tại Phụ lục II (Ban hành kèm theo Thông tư 18 /2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ bậc 4 (theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố.


3. Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài và phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai do cơ sở đào tạo quyết định, trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

IV. DANH MỤC NGÀNH DỰ THI NGÀNH TIẾN SĨ *(Phụ lục đính kèm).*

V. THỜI GIAN VÀ HÌNH THỨC ĐÀO TẠO

1. Thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ (từ khi có quyết định công nhận nghiên cứu sinh) là 03 năm đối với người có bằng thạc sĩ và 04 năm đối với người có bằng đại học. Mỗi nghiên cứu sinh có một kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa nằm trong khung thời gian đào tạo tiêu chuẩn được phê duyệt kèm theo quyết định công nhận nghiên cứu sinh.

2. Nghiên cứu sinh được phép hoàn thành chương trình đào tạo sớm hơn so với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa không quá 01 năm (12 tháng), hoặc chậm hơn so với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa nhưng tổng thời gian đào tạo không vượt quá 06 năm (72 tháng) tính từ ngày quyết định công nhận nghiên cứu sinh có hiệu lực đến thời điểm hoàn thành các thủ tục trình luận án cho Trường, trước khi thực hiện quy trình phản biện độc lập và thành lập Hội đồng đánh giá luận án.

3. Đào tạo trình độ tiến sĩ được thực hiện theo hình thức chính quy; nghiên cứu sinh phải dành đủ thời học tập, nghiên cứu tại cơ sở đào tạo theo kế hoạch đã được phê duyệt; trong đó khi đăng ký đủ 30 tín chỉ trong một năm học được xác định là tập trung toàn thời gian. 

VI. TIÊU CHUẨN NGƯỜI HƯỚNG DẪN

1. Người hướng dẫn chính, người hướng dẫn phụ và người hướng dẫn độc lập nghiên cứu sinh phải đáp ứng các tiêu chuẩn của giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ:

a) Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 54 Luật Giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018) và những quy định pháp luật khác có liên quan;

b) Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp với các học phần, môn học (sau đây gọi chung là học phần) đảm nhiệm trong chương trình đào tạo;

c) Có năng lực ngoại ngữ, ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác giảng dạy, nghiên cứu và triển khai những hoạt động trao đổi, hợp tác quốc tế về lĩnh vực chuyên môn đảm nhiệm trong chương trình đào tạo tiến sĩ.

d) Người chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư phải đáp ứng thêm những yêu cầu sau:

- Có thời gian giảng dạy ở trình độ đại học hoặc thạc sĩ từ 01 năm (12 tháng) trở lên kể từ khi có bằng tiến sĩ;

- Trong thời gian 05 năm (60 tháng) tính đến thời điểm được phân công giảng dạy có công bố liên quan đến chuyên môn giảng dạy với vai trò là tác giả đứng tên đầu hoặc tác giả liên hệ của 02 bài báo, báo cáo khoa học trong các ấn phẩm được tính tới 0,75 điểm trở lên theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định; hoặc là tác giả hoặc đồng tác giả của 01 sách chuyên khảo do các nhà xuất bản trong nước và quốc tế phát hành hoặc của 01 chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế phát hành (sau đây gọi chung là tác giả chính).

2. Trong thời gian 05 năm (60 tháng) tính đến thời điểm có quyết định công nhận hướng dẫn nghiên cứu sinh, người hướng dẫn chính, người hướng dẫn độc lập, người đồng hướng dẫn khi không phân biệt giữa hướng dẫn chính và hướng dẫn phụ phải có thêm kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực chuyên môn liên quan tới đề tài luận án hướng dẫn, cụ thể như sau:

a) Là tác giả chính của báo cáo hội nghị khoa học, bài báo khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục Web of Science hoặc Scopus (sau đây gọi chung là danh mục WoS/Scopus) hoặc chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành; hoặc bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tới 0,75 điểm trở lên, hoặc sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín trong nước và quốc tế phát hành; các công bố phải đạt tổng điểm từ 4,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả); hoặc

b) Là tác giả hoặc đồng tác giả của ít nhất 01 kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ đã đăng ký và được cấp bằng độc quyền sáng chế quốc gia hoặc quốc tế;


3. Mỗi nghiên cứu sinh có 01 hoặc 02 người hướng dẫn, trong đó có 01 người là cán bộ cơ hữu của cơ sở đào tạo hoặc có hợp đồng giảng dạy, nghiên cứu khoa học với cơ sở đào tạo theo quy định của pháp luật; làm việc theo chế độ trọn thời gian tại cơ sở đào tạo với thời hạn của hợp đồng phù hợp với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa của nghiên cứu sinh.

VII. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN

1. Phiếu đăng ký dự tuyển (01 bản chính theo mẫu);
2. Bằng tốt nghiệp đại học (01 bản sao có thị thực hoặc bản copy có mang theo bản gốc để đối chiếu);
3. Bằng tốt nghiệp thạc sĩ (01 bản sao có thị thực hoặc bản copy có mang theo bản gốc để đối chiếu);
4. Bảng điểm đại học (01 bản sao có thị thực hoặc bản copy có mang theo bản gốc để đối chiếu);
5. Bảng điểm thạc sĩ (01 bản sao có thị thực hoặc bản copy có mang theo bản gốc để đối chiếu);
6. Lý lịch cá nhân (01 bản chính theo mẫu, có đóng dấu giáp lai ảnh);
7. Lý lịch khoa học (01 bản chính theo mẫu);
8. Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân (01 bản sao có thị thực hoặc bản copy có mang theo bản gốc);
9. Chứng chỉ ngoại ngữ (01 bản sao có thị thực hoặc bản copy có mang theo bản gốc để đối chiếu);
10. Phong bì có dán tem ghi rõ địa chỉ của thí sinh (02 phong bì A6);
11. Phiếu dán ảnh (dán kèm 3 ảnh 3x4 mới nhất, không quá 3 tháng);
12. Giấy xác nhận văn bằng tương đương của Cục Quản lý chất lượng đối với trường hợp văn bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp (01 bản sao có thị thực hoặc bản copy có mang theo bản gốc để đối chiếu);
13. 01 bài báo hoặc báo cáo khoa học đã công bố đối với trường hợp thí sinh tốt nghiệp thạc sĩ theo định hướng ứng dụng.
14. Đề cương nghiên cứu tổng quát (07 quyển, theo mẫu);
15. Thư giới thiệu đánh giá phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu của người dự tuyển của 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu;
16. Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức).

*** Số lượng hồ sơ: 01 bộ.**

VIII. THỜI GIAN NỘP HỒ SƠ DỰ TUYỂN, THỜI GIAN THI TUYỂN, CÔNG BỐ KẾT QUẢ VÀ NHẬP HỌC

- Thời gian nộp hồ sơ dự tuyển: từ ngày ra thông báo đến hết ngày **06/6/2022**.
- Thời gian trình bày đề cương nghiên cứu: từ ngày 25/6/2022 đến ngày 03/7/2022.
- Thời gian dự kiến công bố kết quả tuyển sinh: 15/7/2022.
- Thời gian dự kiến nhập học: tháng 8/2022. 

IX. LỆ PHÍ DỰ TUYỂN

- Dự tuyển nghiên cứu sinh: 200.000đ/thí sinh.
- Đăng ký dự thi: 60.000đ/thí sinh.
- Chi phí tư vấn, điều chỉnh đề cương nghiên cứu: 2.740.000đ/thí sinh.

X. HỌC PHÍ

Học phí được thu theo từng năm học, mức học phí thu theo quy định của Trường Đại học Cần Thơ. Thí sinh tham khảo mức học phí tại địa chỉ website <https://dfa.ctu.edu.vn/van-ban/cap/146-muc-hoc-phi-nam-hoc-2223.html>

XI. ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ ĐĂNG KÝ VÀ NỘP HỒ SƠ

Hồ sơ đăng ký và mọi chi tiết khác có liên quan xin liên hệ:

Khoa Sau đại học Trường Đại học Cần Thơ, Khu 2 đường 3/2, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Điện thoại: 02923.734402 hoặc 0907 289 008.

Website: <http://gs.ctu.edu.vn>

Email: ksdh@ctu.edu.vn; nhgtien@ctu.edu.vn

Nơi nhận:

- Bộ GD và ĐT;
- Website Trường, KSDH;
- Các đơn vị trong trường;
- Lưu: VT, KSDH.

HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Trung Tính

Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT
ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

DANH SÁCH MỘT SỐ CHỨNG CHỈ TIẾNG NƯỚC NGOÀI MINH CHỨNG CHO TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ CỦA NGƯỜI DỰ TUYỂN

Stt	Ngôn ngữ	Bằng/Chứng chỉ/Chứng nhận	Trình độ/Thang điểm
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	Từ 46 trở lên
		IELTS	Từ 5.5 trở lên
		Cambridge Assessment English	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill Thang điểm: từ 160 trở lên
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF từ 400 trở lên DELF B2 trở lên Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe -Institut	Goethe- Zertifikat B2 trở lên
		The German TestDaF language certificate	TestDaF level 4 (TDN 4) trở lên
4	Tiếng Trung Quốc	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 4 trở lên
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N3 trở lên
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКИ-2 trở lên
7	Các ngôn ngữ tiếng nước ngoài khác	Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Từ bậc 4 trở lên